

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2022/HS-PT

Ngày: 08 - 12 – 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Linh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hà

Ông Đào Chí Keo

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dự – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Đinh Văn Hải - Kiểm sát viên

Trong ngày 08 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 191/2022/TLPT-HS ngày 10 tháng 10 năm 2022 do có kháng cáo của bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 33/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang.

Bị cáo: **Trương Thị Ngọc K**, sinh năm 1989. nơi sinh: tại huyện T, tỉnh An Giang; nơi cư trú: ấp Phú Q, xã Phú A, huyện T, tỉnh An Giang; giới tính: Nữ; nghề nghiệp: nội trợ; trình độ học vấn: lớp 09/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Đạo Phật giáo Hòa Hảo; con ông Trương Văn V, sinh năm 1950 (chết) và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1953; có chồng Nguyễn Văn Tây, sinh năm 1982 và 02 người con tên Trương Phương T1, sinh năm 2019, Trương An N, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2022; anh, em ruột có 07 người, bị cáo là người thứ bảy trong gia đình; nhân thân: Từ nhỏ sống chung với gia đình, học hết lớp 09 thì nghỉ ở nhà phụ giúp gia đình; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/9/2021 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Chị Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1995 nơi cư trú: khóm Long H, phường L, thị xã C, tỉnh An Giang (có mặt).

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Trương Tấn L, sinh năm 1987. Nơi cư trú: ấp Phú Q, xã Phú A, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Chị Trương Thị Ngọc Đ, sinh năm 1978. Nơi cư trú: ấp Phú Q, xã Phú A, huyện T, tỉnh An Giang (vắng mặt).

3. Chị Trương Ngọc Q, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp Phú Q, xã P, huyện T, tỉnh An Giang(vắng mặt).

4. Anh Huỳnh Đức T (Trừ), sinh năm 1986. Nơi cư trú: khóm Long H, phường L, thị xã C, tỉnh An Giang (có mặt).

5. Anh Trần Văn C, sinh năm 1998. Nơi cư trú: ấp Tân Qi, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt).

Trong vụ án, bị cáo không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án Đ tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 10 phút, ngày 04/6/2021, sau khi nghe ông Nguyễn Văn D kể lại sự việc vào ngày 03/6/2021 bị anh Trương Tấn L xô xát tại nhà của L nên anh Huỳnh Đức T (là con rể của D) đến chở L đưa về nhà của ông D để nói chuyện. Tại đây, T kêu L phải xin lỗi ông D nhưng L không đồng ý thì bị T dùng tay đánh trúng vào vùng mặt của L và dùng chân đạp tiếp nhưng không trúng. Sau đó, L về nhà kể lại sự việc bị T đánh cho anh Trương Tấn P, Trương Thị Ngọc Đ, Trương Ngọc Q và Trương Thị Ngọc K (anh, chị và em ruột của L) nghe. Lúc này, P, Đ, Q, K cùng nhau kéo đến nhà của ông D. Tại đây, P, Đ, Q, K cự cãi nhau với ông D, anh T, Nguyễn Thị Mỹ A, Nguyễn Thị Mỹ H và Nguyễn Thị Mỹ T1 (con ruột của D) dẫn đến hai bên xô xát, đánh nhau. Chị Mỹ A có dùng cây sắt vuông đánh trúng vào đầu của bị cáo K 01 cái, sau đó Đ anh P vào can ngăn nhưng chị Mỹ A tiếp tục dùng cây sắt đánh trúng vào tay của anh P. Tức giận vì bị Mỹ A đánh nên bị cáo K nhặt Đ 01 cây dao (có cán nhựa màu xanh, lưỡi bằng kim loại dài 21,6 cm) ở gần đó (cách chỗ K đứng khoảng 1,5 mét) cầm trên tay chạy xông đến chỗ chị Mỹ A thì bị Mỹ A dùng cây sắt đánh trúng vào vùng trán. K xông đến dùng tay nắm tóc, câu vật với Mỹ A, làm cả hai té ngã nằm nghiêng. K tiếp tục cầm dao quơ nhiều cái trúng vào mặt của Mỹ A gây thương tích và Đ mọi người can ngăn. Lúc này Mỹ A và K đều bị chảy nhiều máu nên Đ đưa đi cấp cứu.

Căn cứ Bản Kết luận Giám định pháp y về thương tích số 295/21/TgT ngày 24/6/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh An Giang, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Nguyễn Thị Mỹ A là 15%. Kết luận khác: Thương tích do vật sắc gây nên. Thương tích gây ảnh hưởng thẩm mỹ.

Căn cứ Bản Kết luận Giám định pháp y về thương tích số 296/21/TgT ngày 24/6/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh An Giang, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Trương Thị Ngọc K là 06%. Kết luận khác: Thương tích do vật tày gây nên.

Căn cứ Bản Kết luận Giám định số 36/KLGT-PC09 (SH) ngày 09/7/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh An Giang, kết luận: Vết màu nâu sẫm dính dính trên lưỡi dao gửi đến giám định là máu người, thuộc

nhóm máu B; Máu của Trương Thị Ngọc K, sinh năm 1989 thuộc nhóm máu O; Máu của Nguyễn Thị Mỹ A, sinh năm 1995 thuộc nhóm máu B.

Ngày 06/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T, tỉnh An Giang khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Trương Thị Ngọc K và cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra, xử lý từ ngày 06/9/2021 cho đến nay.

Cáo trạng số 24/CT-VKS-PT-HS, ngày 31/5/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Trương Thị Ngọc K tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 33/2022/HS-ST ngày 18 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh An Giang đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 Đ sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trương Thị Ngọc K phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Ngọc K 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án ngày 18/8/2022.

Giao bị cáo Trương Thị Ngọc K cho Ủy ban nhân dân xã Phú A, huyện T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trương Thị Ngọc K có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị Nguyễn Thị Mỹ A số tiền 16.485.000 đồng (Mười sáu triệu bốn trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về phần xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 26/8/2022, bị hại Nguyễn Thị Mỹ A có đơn kháng cáo đề nghị:

- + Không cho bị cáo Đ hưởng án treo.
- + Tăng mức bồi thường thiệt hại.
- + Xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trương Thị Ngọc Đ và Trương Ngọc Quý.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo khai nhận đã thực hiện toàn bộ hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Bị hại Nguyễn Thị Mỹ A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, lời khai bị cáo phù hợp lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các chứng cứ do cơ quan điều tra thu thập. Từ đó, đủ cơ sở chứng minh: Trương Thị Ngọc K đã có hành vi dùng dao (là hung khí nguy hiểm) quơ chém

trúng vào vùng mặt của Nguyễn Thị Mỹ A gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 15%, gây ảnh hưởng thẩm mỹ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm “*Cố ý gây thương tích*”. Do đó, cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo theo điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị hại kháng cáo, yêu cầu xem xét phần hình phạt đối với bị cáo; việc bồi thường thiệt hại; vai trò đồng phạm của Trương Ngọc Q và Trương Ngọc Đ. Nhận thấy:

- Về hình phạt đối với bị cáo: cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng đúng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân và hoàn cảnh của bị cáo tuyên phạt bị cáo 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm; đây là mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

- Đối với yêu cầu xem xét về vai trò đồng phạm của Trương Ngọc Q và Trương Ngọc Đ cùng thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại: Quá trình điều tra, truy tố và phần thẩm vấn công khai tại phiên tòa sơ thẩm không có cơ sở chứng minh Trương Ngọc Q và Trương Ngọc Đ cùng thực hiện hành vi gây thương tích cho bị hại, nên yêu cầu của bị hại là không có cơ sở chấp nhận.

- Về Bồi thường thiệt hại: Xét thấy cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết đầy đủ, toàn diện các yêu cầu của người bị hại theo quy định pháp luật, như: Chi phí điều trị có hóa đơn chứng từ; Chi phí điều trị ngoại trú; Chi phí thực tế; đồng thời quyết định số tiền bồi thường tổn thất tinh thần bằng 10 tháng lương cơ sở... để tuyên buộc số tiền bồi thường 16.485.000 đồng là phù hợp, tương xứng với thiệt hại thực tế và tỷ lệ thương tật của người bị hại. Tuy N, tại phiên tòa hôm nay giữa bị cáo và bị hại cùng thỏa thuận bị hại bồi thường thêm cho bị hại số tiền 7.650.000 đ; xét cần công nhận sự thỏa thuận này.

Các phần quyết định của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, thì có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị hại về tăng hình phạt đối với bị cáo cũng như vai trò đồng phạm đối với Trương Ngọc Q và Trương Ngọc Đ; Chấp nhận một phần kháng cáo về bồi thường thiệt hại; Sửa Bản án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại, công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại. Bị cáo bồi thường thêm cho bị hại số tiền 7.650.000 đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã Đ tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị hại làm đơn kháng cáo trong hạn luật định nên Đ Hội đồng xét xử chấp nhận để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung vụ án:

Xét thấy lời khai của bị cáo Trương Thị Ngọc K tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai người làm chứng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với Biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh, sơ đồ hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T lập; Bệnh án điều trị thương tích và Bản kết luận giám định pháp y, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ xác định: Khoảng 09 giờ 10 phút ngày 04/6/2021, sau khi nghe anh L kể lại sự việc bị ông D, anh T đánh thì bị cáo K cùng với Trương Thị Ngọc Đ, Trương Ngọc Q cùng nhau đến nhà của ông D. Tại đây gia đình hai bên có cự cãi, chửi lẫn nhau dẫn đến hai bên xô xát, đánh nhau. Nguyễn Thị Mỹ A dùng cây sắt vuông đánh trúng vào đầu của bị cáo K 01 cái, sau đó Đ anh P can ngăn thì chị Mỹ A tiếp tục dùng cây sắt đánh trúng vào tay của anh P. Tức giận vì bị Mỹ A đánh nên bị cáo K nhặt 01 cây dao có cán nhựa màu xanh, lưỡi bằng kim loại dài 21,6 cm ở gần đó, xông đến chỗ Mỹ A thì bị Mỹ A dùng cây sắt đánh trúng vào vùng trán, K dùng tay nắm tóc, câu vật với chị Mỹ A, làm cả hai té ngã và tiếp tục cầm dao quơ nhiều cái trúng vào mặt của chị Mỹ A gây thương tích với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 15%. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên cấp sơ thẩm truy tố, xét xử bị cáo về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Khi xét xử sơ thẩm, cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi bị cáo, xem xét thấu đáo nguyên nhân mâu thuẫn, mức độ lỗi, đồng thời áp dụng đúng dẫn các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 Bộ luật Hình sự, vận dụng đúng các quy định tại Điều 1 Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 2 và Điều 3 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “*hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự về án treo*” để áp dụng Điều 65 của Bộ luật hình sự xử phạt 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo với thời gian thử thách 04 năm là thỏa đáng, không nhẹ so với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi bị cáo gây ra. Người bị hại kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt nhưng không cung cấp chứng cứ thể hiện cần áp dụng thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, hoặc nêu căn cứ để loại bỏ tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự hay căn cứ để không cho bị cáo Đ hưởng án treo. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại mà cần giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Viện kiểm sát.

Đối với việc xem xét trách nhiệm hình hình sự đối với Trương Ngọc Q, Trương Thị Ngọc Đ. Xét thấy ngoài lời khai của bị hại khai cho rằng có Q và Đ tham gia đánh nhưng Q, Đ không thừa nhận, đồng thời bị hại cũng không cung cấp Đ chứng cứ chứng minh, mặt khác cơ quan điều tra cũng không xác định Đ hành vi của Q và Đ có tham gia đánh Mỹ A. Do đó cấp sơ thẩm không truy cứu trách nhiệm hình sự của Trương Ngọc Q và Trương Thị Ngọc Đ là có căn cứ nên không chấp nhận kháng cáo này của bị hại.

Đối với trách nhiệm bồi thường thiệt hại, Tòa cấp sơ thẩm đã xác định đúng mức thiệt hại do bị cáo gây ra, mức độ lỗi để buộc bị cáo K bồi thường

16.485.000 đồng là phù hợp pháp luật nên không có căn cứ để buộc bị cáo bồi thường thêm. Tuy N tại phiên tòa, người bị hại có nộp thêm hóa đơn thăm mỹ điều trị di chứng thương tích là 7.650.000 đồng và yêu cầu bị cáo bồi thường thêm. Yêu cầu này Đ bị cáo đồng ý, nên HĐXX công nhận sự tự nguyện này.

Đối với số tiền 5.000.000đ mà bị cáo đã nộp cho Chi cục thi hành án dân sự huyện T để bồi thường cho bị hại (theo Biên lai thu 0002754 ngày 05/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T) sẽ tiếp tục quản lý để thi hành án.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc không cho bị cáo Đ hưởng án treo và đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với Trương Thị Ngọc Đ, Trương Ngọc Q.

Chấp nhận một phần kháng cáo về bồi thường thiệt hại.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 Đ sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trương Thị Ngọc K phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Xử phạt bị cáo Trương Thị Ngọc K 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18/8/2022).

Giao bị cáo Trương Thị Ngọc K cho Ủy ban nhân dân xã Phú An, huyện T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Sửa Bản án sơ thẩm về phần bồi thường thiệt hại.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trương Thị Ngọc K có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho chị Nguyễn Thị Mỹ A số tiền 24.135.000 đồng (*Hai mươi bốn triệu một trăm ba mươi lăm nghìn đồng*).

Tiếp tục quản lý số tiền 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) do bị cáo Trương Thị Ngọc K nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo Biên lai thu số 0002754 ngày 05/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T để thi hành án.

Về án phí phúc thẩm: Bị cáo, bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1);
- VKSND tỉnh An Giang (2);
- TAND huyện T(2);
- Công an huyện T (1);
- Cục THADS tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện T (1);
- Bị cáo (1);
- Phòng KTNV và THA (1);
- PV 06 (1);
- Sở Tư pháp (1);
- Văn phòng (2);
- Lưu Tòa, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Ngọc Linh